

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **129/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 15 tháng 4 năm 2026
Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đạt Thành, bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 156/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đặng Văn P**, sinh ngày 20/6/1985

Số CCCD: 089085003221

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0944.111.070

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh ngày 10/4/1983

Số CCCD: 089183018421

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, tỉnh An Giang.

(Ông P và bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Văn P trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T quen biết, tự tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn

theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi, cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian qua hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nhận thấy hiện nay mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Đặng Bảo N, sinh ngày 06/4/2009 và Đặng Phước T1, sinh ngày 05/9/2017, hiện nay đang sinh sống cùng với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* Bà và ông Đặng Văn P quen biết, tự tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà cũng đồng ý ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung tên Đặng Bảo N, sinh ngày 06/4/2009 và Đặng Phước T1, sinh ngày 05/9/2017, hiện nay đang sinh sống cùng với ông P. Khi ly hôn, bà đồng ý giao 02 con chung cho ông P chăm sóc, nuôi dưỡng và bà sẽ cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đặng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ông Đặng Văn P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã P, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An

Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đặng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, do không đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa ông P và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn mà tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa ông P và bà T có 02 con chung tên Đặng Bảo N, sinh ngày 06/4/2009 và Đặng Phước T1, sinh ngày 05/9/2017.

Theo tờ tự khai thể hiện ý kiến của 02 cháu N và T1, các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với ông P. Bà T cũng đồng ý giao 02 con chung cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, để bảo đảm ổn định cuộc sống, học tập và sự phát triển toàn diện của các cháu, Hội đồng xét xử giao hai cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 06/4/2009 và Đặng Phước T1, sinh ngày 05/9/2017 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, ông P không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông P phải tạo điều kiện bà T được thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà T trình bày tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ông Đặng Văn P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, Điều 14 và Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh T.

* Về con chung: Ông Đặng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh T có 02 con chung tên Đặng Bảo N, sinh ngày 06/4/2009 và Đặng Phước T1, sinh ngày 05/9/2017.

Giao 02 con chung tên Đặng Bảo N, sinh ngày 06/4/2009 và Đặng Phước T1, sinh ngày 05/9/2017 cho ông Đặng Văn P được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Văn P phải tạo điều kiện bà Nguyễn Thị Thanh T được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đặng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí sơ thẩm: Ông Đặng Văn P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 303485 ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh A (Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - An Giang).

Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí.

Ông Đặng Văn P và bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 - AG;
- Phòng THADS khu vực 10 - AG;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thị Vân